QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Nghị quyết số: 258/2025/QH15	

NGHỊ QUYẾT
Về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện các dự án lớn, quan trọng trên địa bàn Thủ đô

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư, quy hoạch, đô thị, kiến trúc, xây dựng, đất đai, tài chính để thực hiện dự án lớn, quan trọng trên địa bàn Thủ đô.

2. Dự án lớn, quan trọng trên địa bàn Thủ đô là các dự án:

a) Dự án đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công, dự án PPP theo quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư cần triển khai ngay theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, Đảng ủy Chính phủ, Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố Hà Nội;

b) Dự án đầu tư công, dự án PPP đáp ứng tiêu chí dự án quan trọng quốc gia; dự án đầu tư công, dự án PPP sử dụng vốn ngân sách địa phương, nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương trên địa bàn Thành phố có quy mô tổng mức đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên;

c) Dự án đầu tư thuộc danh mục dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược theo quy định của pháp luật về Thủ đô có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên;

d) Dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết khu vực đô thị tại Nghị quyết này gồm dự án xây dựng lại nhà chung cư thuộc trường hợp phải phá dỡ theo quy định của pháp luật về nhà ở; dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết một ô phố đô thị hoặc nhiều ô phố đô thị;

đ) Dự án đầu tư mới, cải tạo công trình để xử lý các điểm nghẽn, cấp bách về ùn tắc giao thông, úng ngập, ô nhiễm môi trường, trật tự đô thị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

3. Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng Nghị quyết

1. Bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác đầu tư xây dựng phát triển Thủ đô, đáp ứng yêu cầu phát triển Thủ đô, đất nước trong kỷ nguyên mới.

2. Bảo đảm áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù đúng đối tượng, đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả, tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ, ngăn chặn mọi biểu hiện trục lợi trong thực hiện dự án.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư công, dự án PPP không sử dụng vốn ngân sách trung ương quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư quy định tại điểm a và điểm c khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này, trừ các dự án sau đây:

a) Dự án đầu tư nhà máy điện hạt nhân;

b) Dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, trồng rừng, xuất bản, báo chí;

c) Dự án đầu tư có kinh doanh đặt cược, ca-si-nô (casino), kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

d) Dự án tiềm ẩn khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ; dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh có mức độ tuyệt mật.

3. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định nội dung, hồ sơ, điều kiện, tiêu chí, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư, chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Đối với dự án đầu tư theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này cần áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt khác với quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trên cơ sở được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Chính phủ

để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho phép thực hiện cơ chế, chính sách đặc biệt khác với quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, sau đó báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Điều 5. Lựa chọn nhà đầu tư, nhà thầu; khởi công công trình

1. Việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án, nhà thầu thực hiện gói thầu thuộc dự án quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này được thực hiện như sau:

a) Đối với dự án đầu tư công quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này được thực hiện theo hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt;

b) Đối với dự án PPP, dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này được thực hiện theo hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt;

c) Đối với dự án thành phần của dự án PPP, dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư cần triển khai ngay quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này được thực hiện theo hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt trước khi cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư;

d) Hội đồng nhân dân Thành phố quy định nội dung, hồ sơ, điều kiện, tiêu chí, trình tự, thủ tục thực hiện lựa chọn nhà đầu tư, nhà thầu quy định tại khoản này.

2. Các dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này được thực hiện các thủ tục về quy hoạch, khởi công xây dựng công trình đồng thời với thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư.

Nhà đầu tư, chủ đầu tư không phải thực hiện thủ tục về cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng; chịu trách nhiệm hoàn thiện các điều kiện theo quy định của pháp luật về khởi công xây dựng công trình dự án thành phần trong dự án tổng thể quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày khởi công.

Trường hợp nhà đầu tư, chủ đầu tư không hoàn thiện điều kiện về khởi công xây dựng công trình trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày khởi công thì bị xử lý theo các điều, khoản của hợp đồng hoặc Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định phương án thu hồi, chấm dứt dự án, hợp đồng dự án. Nhà đầu tư, chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về các hậu quả phát sinh do không thực hiện đúng cam kết của mình trong hợp đồng.

Điều 6. Chính sách về quy hoạch, kiến trúc

1. Trên địa bàn Thành phố chỉ lập một Quy hoạch tổng thể Thủ đô trên cơ sở cụ thể hóa các nội dung quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng và tích hợp, lồng ghép các nội dung của Quy hoạch Thủ đô, Quy hoạch chung Thủ đô.

Quy hoạch tổng thể Thủ đô được phê duyệt thay thế Quy hoạch Thủ đô, Quy hoạch chung Thủ đô. Quy hoạch tổng thể Thủ đô có giá trị pháp lý như quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch và quy hoạch chung thành phố theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

2. Quy hoạch tổng thể Thủ đô được phê duyệt là căn cứ để lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch đô thị và nông thôn, là cơ sở để đánh giá sự phù hợp của dự án theo quy định.

3. Dự án đầu tư công, dự án PPP, dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư cần triển khai ngay theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, Đảng ủy Chính phủ nhưng chưa có trong quy hoạch thì được phép triển khai thực hiện và được cập nhật vào Quy hoạch tổng thể Thủ đô và các quy hoạch khác khi điều chỉnh.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thủ đô, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thủ đô sau khi lấy ý kiến của các Bộ, ngành liên quan và được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua.

5. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định nội dung, định mức chi phí, đơn giá, thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thủ đô quy định tại các khoản 1, khoản 3 và khoản 7 Điều này.

6. Căn cứ Quy hoạch tổng thể Thủ đô quy định tại khoản 1 Điều này được phê duyệt, Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định danh mục quy hoạch đô thị và nông thôn được tổ chức lập đồng thời quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết. Trường hợp quy hoạch chi tiết được lập, thẩm định xong trước thì được phê duyệt trước và được cập nhật vào quy hoạch phân khu.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch Thủ đô, Quy hoạch chung Thủ đô khi chưa phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thủ đô và điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thủ đô theo quy định sau đây:

a) Việc điều chỉnh quy hoạch được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn và thực hiện đồng thời với thủ tục lập, thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, lập thẩm định phê duyệt dự án, quyết định đầu tư dự án.

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành quy định để thực hiện điểm này;

b) Nội dung điều chỉnh quy hoạch phải được cập nhật vào quy hoạch ngành và quy hoạch cấp trên khi thực hiện điều chỉnh.

8. Đối với việc tổ chức thực hiện lập quy hoạch đô thị và nông thôn, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định:

a) Giao đơn vị tổ chức lập quy hoạch tự thực hiện việc lập quy hoạch;

b) Giao đơn vị công lập hoặc đơn vị ngoài công lập tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn trước thời điểm lựa chọn nhà đầu tư, nhà thầu;

c) Phê duyệt quy hoạch chi tiết khu vực có ý nghĩa quan trọng về chính trị, văn hóa, lịch sử, an ninh, quốc phòng sau khi lấy ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành liên quan;

d) Phê duyệt quy hoạch chi tiết trong trường hợp có nội dung khác với quy hoạch phân khu được phê duyệt khi đáp ứng điều kiện điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

Nội dung phê duyệt quy hoạch chi tiết được cập nhật khi điều chỉnh quy hoạch phân khu;

đ) Nguồn vốn và đơn giá, định mức chi phí thực hiện lập quy hoạch đô thị và nông thôn quy định tại khoản này.

9. Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn trên địa bàn Thành phố không phải thực hiện thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

10. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc không phải thi tuyển phương án kiến trúc đối với các công trình thuộc phạm vi dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này.

Điều 7. Thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất

1. Sau khi có ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền cho phép triển khai thực hiện đối với dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này, Thành phố sử dụng ngân sách cấp Thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư độc lập trước khi phê duyệt chủ trương đầu tư.

Hội đồng nhân dân Thành phố quy định tiêu chí, hồ sơ, điều kiện, trình tự, thủ tục để thực hiện quy định tại khoản này.

2. Ngoài các trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 79 của Luật Đất đai, Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định từng trường hợp thu hồi đất cụ thể để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này.

Hội đồng nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm toàn diện về việc thu hồi đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này bảo đảm hài hòa lợi ích người dân, Nhà nước, doanh nghiệp, không gây thất thoát, lãng phí, lợi ích nhóm, không để xảy ra các vụ việc phức tạp, khiếu kiện đông người, mất an ninh trật tự, an toàn xã hội.

3. Đối với dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này, Thành phố được tạm giao một phần đất thuộc phạm vi dự án để khởi công xây dựng công trình.

Nhà đầu tư, chủ đầu tư phải thực hiện các điều kiện khởi công xây dựng công trình và thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết này và chịu trách nhiệm trong trường hợp không thực hiện đúng quy định này.

4. Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định tiêu chí, mức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để triển khai các dự án trên địa bàn Thành phố:

a) Đối với dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này: bằng 02 lần so với mức quy định;

b) Đối với dự án không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này: không quá 02 lần so với mức quy định.

5. Căn cứ đề xuất dự án tổng thể thực hiện theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (hợp đồng BT), Ủy ban nhân dân Thành phố phân chia dự án tổng thể thành các dự án thành phần và xác định quỹ đất dự kiến thanh toán cho từng dự án thành phần đó, bảo đảm giá trị quỹ đất dự kiến thanh toán tương đương với giá trị dự toán công trình BT và được thực hiện cơ chế bù trừ chênh lệch giữa giá trị công trình BT và giá trị quỹ đất thanh toán tại thời điểm thanh toán.

Ủy ban nhân dân Thành phố được quyết định thanh toán trước từng phần quỹ đất để thực hiện dự án đối ứng sau khi ký kết hợp đồng BT đối với từng dự án thành phần. Thời điểm xác định giá đất đối với diện tích đất thanh toán cho Hợp đồng BT theo quy định của pháp luật về đất đai.

Nhà đầu tư không phải chứng minh khả năng thu xếp vốn vay nhưng phải thực hiện điều kiện về phát hành bảo lãnh từng phần tương ứng với giá trị đất đối ứng được thanh toán đó; giá trị bảo lãnh được giảm trừ tương ứng với phần giá trị hợp đồng BT do nhà đầu tư đã thực hiện.

Cơ quan ký kết hợp đồng chấm dứt hợp đồng dự án BT, cơ quan có thẩm quyền thu hồi toàn bộ quỹ đất thanh toán cho nhà đầu tư và thu hồi toàn bộ số tiền bảo lãnh trong trường hợp nhà đầu tư chậm hoàn thành công trình quá 12 tháng so với cam kết tại hợp đồng BT.

Điều 8. Cơ chế huy động vốn thực hiện dự án

1. Thành phố được sử dụng kết dư ngân sách cấp Thành phố để ưu tiên bố trí vốn cho các dự án đầu tư công quy định tại Nghị quyết này trước khi thực hiện việc trả nợ gốc và chi trả lãi các khoản vay của ngân sách nhà nước nhưng phải bảo đảm không ảnh hưởng đến nghĩa vụ trả nợ gốc và chi trả lãi các khoản vay của ngân sách nhà nước.

2. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong hoạt động cấp tín dụng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng đối với dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị

quyết này do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư.

Đối với từng dự án cụ thể quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này: Trường hợp ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng mà nhu cầu vốn của khách hàng dẫn đến vượt giới hạn quy định thì ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cấp tín dụng hợp vốn. Trường hợp khả năng hợp vốn của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu vay vốn của khách hàng thì ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, quyết định mức cấp tín dụng tối đa đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan trong trường hợp tổng mức dư nợ cấp tín dụng vượt quá tỷ lệ theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng.

Điều 9. Biện pháp bảo đảm trật tự đô thị, trật tự, an toàn xã hội

Dự án đầu tư mới, cải tạo công trình để xử lý điểm nghẽn, cấp bách về ùn tắc giao thông, úng ngập, ô nhiễm môi trường, trật tự đô thị sử dụng vốn ngân sách cấp Thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác thì được thực hiện đầu tư, xây dựng theo quy định về đầu tư công khẩn cấp của pháp luật về đầu tư công, lệnh xây dựng khẩn cấp của pháp luật về xây dựng.

Điều 10. Biện pháp cải tạo, chỉnh trang, tái thiết khu vực đô thị

Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định các biện pháp cải tạo, chỉnh trang, tái thiết khu vực đô thị theo quy hoạch sau đây:

1. Phá dỡ khu chung cư, nhà chung cư thuộc trường hợp phải phá dỡ theo quy định của pháp luật về nhà ở; cải tạo, chỉnh trang, tái thiết một ô phố đô thị hoặc nhiều ô phố đô thị;

2. Giao chủ đầu tư thực hiện lập quy hoạch chi tiết dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết khu vực đô thị trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch được quyết định các chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc, dân số tại dự án trong khu vực nội đô lịch sử vượt quá quy định tại quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đô thị trên cơ sở cân đối tổng thể dân cư theo quy hoạch nhưng phải bảo đảm chỉ tiêu về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, kết nối hạ tầng của khu vực;

3. Trên cơ sở quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố về danh mục các dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết khu vực đô thị, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định kế hoạch cải tạo, xây dựng lại khu chung cư sau khi đã thực hiện kiểm định, đánh giá đại diện nhà chung cư và xác định thuộc diện phá dỡ thì không phải kiểm định, đánh giá toàn bộ khu chung cư.

Hội đồng nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm toàn diện về việc quyết định danh mục các dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết khu vực đô thị trên địa bàn Thủ đô, bảo đảm hài hòa lợi ích người dân, Nhà nước, doanh nghiệp, không gây thất thoát, lãng phí, lợi ích nhóm, không để xảy ra các vụ việc phức tạp, khiếu kiện đông người, mất an ninh trật tự, an toàn xã hội;

4. Quyết định biện pháp cưỡng chế trong trường hợp chủ đầu tư đã được trên 75% các chủ sở hữu nhà, người sử dụng đất tương đương với ít nhất là 75% diện tích khu vực cải tạo, chỉnh trang, tái thiết khu vực đô thị quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này đồng thuận phương án quy hoạch, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ có trách nhiệm sau đây:

a) Chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân Thành phố đề cao trách nhiệm, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Nghị quyết này, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả; không để trục lợi chính sách, thất thoát, lãng phí;

b) Chỉ đạo các cơ quan liên quan phối hợp với chính quyền địa phương ở Thành phố cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian xử lý các vấn đề chưa phân cấp, phân quyền cho Thành phố;

c) Để bảo đảm lợi ích quốc gia và ngăn chặn các yếu tố có thể đe dọa an ninh quốc gia, Chính phủ thực hiện các biện pháp khẩn cấp để dừng hoặc tạm dừng thực hiện các cơ chế, chính sách được quy định tại Nghị quyết này và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất; trong thời gian giữa hai kỳ họp, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, sau đó báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất;

d) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này; sơ kết 03 năm việc thực hiện Nghị quyết, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2028; tổng kết việc thực hiện Nghị quyết, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2030.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Thông qua Danh mục dự án quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 1, khoản 3 Điều 10 của Nghị quyết này;

b) Ban hành văn bản theo thẩm quyền, tổ chức triển khai thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này;

c) Giám sát Ủy ban nhân dân Thành phố và các đơn vị, tổ chức, cá nhân trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức lập Danh mục dự án quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua;

b) Ban hành các văn bản được giao theo thẩm quyền, tổ chức triển khai thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này;

c) Sơ kết, tổng kết việc thực hiện thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù quy định tại Nghị quyết này, báo cáo Chính phủ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được lựa chọn, nhà thầu, nhà đầu tư và các cổ đông, thành viên công ty sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của nhà thầu, nhà đầu tư được lựa chọn theo quy định tại Nghị quyết này phải nộp cho Ủy ban nhân dân Thành phố văn bản cam kết từ bỏ quyền khởi kiện, quyền khiếu nại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc bất kỳ cơ quan nhà nước nào của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo bất kỳ điều ước quốc tế hoặc hợp đồng nào ra trọng tài trong nước, trọng tài nước ngoài, trọng tài quốc tế, tòa án nước ngoài, tòa án quốc tế. Trong trường hợp nhà thầu, nhà đầu tư không nộp văn bản cam kết từ bỏ quyền khởi kiện, quyền khiếu nại nêu trên trong thời hạn quy định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư khác để thực hiện dự án.

5. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố và đại biểu Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 12 năm 2025 và được thực hiện trong 05 năm.

2. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Nghị quyết này và Luật Thủ đô, luật, nghị quyết khác của Quốc hội về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của Nghị quyết này.

3. Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn quy định của Nghị quyết này thì việc áp dụng do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định.

4. Các cơ chế, chính sách đặc thù tại Nghị quyết này được xem xét, kế thừa khi sửa đổi, bổ sung Luật Thủ đô.

5. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, người tham gia xây dựng Nghị quyết này và tham gia triển khai thực hiện Nghị quyết này được xem xét loại trừ, miễn trách nhiệm trong trường hợp đã tuân thủ đầy đủ các quy trình, quy định liên quan và không vụ lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn xảy ra thiệt hại.

Các tổ chức, cá nhân có thành tích trong thực hiện Nghị quyết này được khen thưởng theo quy định của pháp luật. Xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, trục lợi, những nhiễu của cán bộ, công chức trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn